

# QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TRẺ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN HUỆ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trần Xuân Sáng

Hệ 5, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Trần Hoàng Sơn

Trường Đại học Nguyễn Huệ

Email: hoangsontran1802@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực giáo dục - đào tạo quân sự, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên trẻ giữ vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển tư duy khoa học và năng lực đổi mới sáng tạo. Bài viết phân tích vai trò, yếu tố tác động, yêu cầu quản lý hoạt động NCKH của giảng viên trẻ tại Trường Đại học Nguyễn Huệ; từ đó đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, góp phần xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ có năng lực nghiên cứu vững vàng, đáp ứng nhiệm vụ đào tạo sĩ quan trong tình hình mới.

**Từ khóa:** Quản lý, nghiên cứu khoa học, giảng viên trẻ, chuyển đổi số, nhà trường quân đội.

Nhận bài: 22/01/2026; Biên tập: 23/01/2026; Phản biện: 26/01/2026; Duyệt đăng: 02/02/2026.

## 1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ là ứng dụng công nghệ thông tin mà là quá trình tái cấu trúc toàn diện hoạt động quản lý, giảng dạy và nghiên cứu. Đối với các học viện, nhà trường quân đội, chuyển đổi số còn gắn với yêu cầu hiện đại hóa quân đội, nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ chỉ huy - tham mưu trong điều kiện tác chiến mới.

Giảng viên trẻ là lực lượng năng động, có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ mới, song kinh nghiệm nghiên cứu và phương pháp tổ chức NCKH còn hạn chế. Vì vậy, quản lý hiệu quả hoạt động NCKH của giảng viên trẻ trong bối cảnh chuyển đổi số là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển bền vững của nhà trường.

## 2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm và đặc điểm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học

2.1.1. Khái niệm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học

Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý nhằm định hướng, điều hành và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu để đạt mục tiêu khoa học - đào tạo đã xác định. Đây không chỉ là quản lý hành chính mà là sự kết hợp giữa quản lý chiến lược, quản lý chuyên môn và bảo đảm nguồn lực.

Về chức năng, quản lý NCKH bao gồm: xây dựng kế hoạch; tổ chức xét duyệt, triển khai đề tài; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện; kiểm tra tiến độ; đánh giá, nghiệm thu và công bố kết quả; đồng thời bảo đảm các điều kiện về kinh phí, tài liệu, cơ sở vật chất và môi trường học thuật.

Thực tiễn tại Trường Đại học Nguyễn Huệ cho thấy, khi quy chế quản lý đề tài được ban hành chặt

chẽ, phân định rõ trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài và cơ quan quản lý, chất lượng và tiến độ nghiên cứu của giảng viên, nhất là giảng viên trẻ, được nâng lên rõ rệt; ngược lại, nếu thiếu kiểm tra, giám sát thường xuyên, hoạt động nghiên cứu dễ mang tính hình thức.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, quản lý NCKH cần chuyển từ phương thức thủ công sang quản trị dựa trên dữ liệu. Việc ứng dụng phần mềm quản lý đề tài trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu số về công trình khoa học, sử dụng công cụ kiểm tra trùng lặp và phân tích trích dẫn giúp theo dõi tiến độ theo thời gian thực, đánh giá khách quan hơn và hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định kịp thời.

Như vậy, quản lý NCKH hiện nay không chỉ nhằm kiểm soát mà còn phải kiến tạo môi trường nghiên cứu hiện đại, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao giá trị thực tiễn của sản phẩm khoa học.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ ở Trường Sĩ quan Lục quân 2

Đội ngũ giảng viên trẻ tại Trường Đại học Nguyễn Huệ phần lớn được đào tạo cơ bản, có trình độ thạc sĩ, một số đang tiếp tục nghiên cứu sinh tiến sĩ; có tư duy năng động và khả năng tiếp cận công nghệ thông tin tương đối tốt. Đây là lực lượng có nhiều tiềm năng trong đổi mới phương pháp nghiên cứu và ứng dụng thành tựu chuyển đổi số vào hoạt động khoa học. Nội dung nghiên cứu của giảng viên trẻ chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực khoa học quân sự, khoa học xã hội và nhân văn quân sự, cũng như khoa học giáo dục quân sự, gắn trực tiếp với nhiệm vụ đào tạo, huấn luyện của nhà trường.

Tuy nhiên, do còn hạn chế về thâm niên công tác và trải nghiệm học thuật, nhiều giảng viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong xây dựng thuyết minh đề tài quy mô lớn, đặc biệt là các đề tài cấp cao hoặc công bố trên các tạp chí quốc tế. Kỹ năng

khai thác cơ sở dữ liệu số, sử dụng công cụ trích dẫn và chuẩn hóa tài liệu tham khảo chưa thật sự đồng đều giữa các cá nhân. Bên cạnh đó, đặc thù môi trường quân sự với cường độ giảng dạy, huấn luyện và nhiệm vụ kiêm nhiệm khá cao cũng phần nào ảnh hưởng đến quỹ thời gian và sự tập trung cho hoạt động nghiên cứu.

Những đặc điểm trên vừa thể hiện tiềm năng phát triển, vừa đặt ra yêu cầu cần có cơ chế quản lý và hỗ trợ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng NCKH của đội ngũ giảng viên trẻ trong giai đoạn hiện nay.

## 2.2. Những yếu tố tác động, yêu cầu và giải pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ ở Trường Sĩ quan Lục quân 2

### 2.2.1. Những yếu tố tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ ở Trường Sĩ quan Lục quân 2

Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ tại Trường Đại học Nguyễn Huệ chịu sự chi phối của nhiều yếu tố cả khách quan và chủ quan, tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của quá trình nghiên cứu.

*Trước hết*, yếu tố cơ chế, chính sách và sự quan tâm của cấp ủy, chỉ huy các cấp giữ vai trò định hướng. Khi nhà trường ban hành quy chế quản lý NCKH rõ ràng, có chính sách khuyến khích, khen thưởng kịp thời và gắn kết quả nghiên cứu với đánh giá, quy hoạch cán bộ thì động lực nghiên cứu của giảng viên trẻ được nâng cao rõ rệt. Ngược lại, nếu cơ chế chưa thật sự tạo động lực hoặc thủ tục hành chính còn phức tạp, hoạt động nghiên cứu dễ mang tính đối phó.

*Thứ hai*, điều kiện bảo đảm và hạ tầng phục vụ nghiên cứu có ảnh hưởng quan trọng. Hệ thống thư viện, cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm phân tích và kiểm tra học thuật, kinh phí thực hiện đề tài... là những yếu tố trực tiếp quyết định khả năng triển khai và chất lượng sản phẩm nghiên cứu. Trong bối cảnh chuyển đổi số, mức độ hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin càng có ý nghĩa then chốt.

*Thứ ba*, môi trường học thuật và văn hóa nghiên cứu trong đơn vị tác động mạnh đến tinh thần sáng tạo của giảng viên trẻ. Sự tồn tại của các nhóm nghiên cứu, diễn đàn trao đổi chuyên môn, hội thảo khoa học định kỳ và sự hướng dẫn của các nhà khoa học giàu kinh nghiệm sẽ tạo điều kiện để giảng viên trẻ học hỏi, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao năng lực.

*Cuối cùng*, yếu tố thuộc về bản thân giảng viên trẻ như trình độ chuyên môn, phương pháp nghiên cứu, kỹ năng số, khả năng ngoại ngữ, tinh thần tự học và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp giữ vai trò quyết định. Bên cạnh đó, đặc thù môi trường quân sự với yêu cầu cao về giảng dạy, huấn luyện và nhiệm vụ kiêm nhiệm cũng tác động đến thời gian và sự tập trung cho hoạt động nghiên cứu.

### 2.2.2. Yêu cầu quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ ở Trường Đại học Nguyễn Huệ

Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên trẻ tại Trường Đại học Nguyễn Huệ trong giai đoạn hiện nay phải đáp ứng đồng thời yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng nhà trường chính quy, hiện đại và thích ứng với tiến trình chuyển đổi số trong giáo dục quân sự. Đồng thời, yêu cầu này cũng phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ “đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, gắn đào tạo với thực tiễn”.

*Trước hết*, công tác quản lý phải bảo đảm đúng định hướng chính trị, tư tưởng và bám sát nhiệm vụ đào tạo sĩ quan của nhà trường. Nội dung nghiên cứu cần gắn với thực tiễn huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng đơn vị và đổi mới phương pháp giảng dạy, tránh tình trạng nghiên cứu xa rời thực tiễn hoặc chạy theo hình thức.

*Thứ hai*, quản lý hoạt động NCKH phải bảo đảm tính kế hoạch, khoa học và khả thi. Cần xây dựng kế hoạch nghiên cứu trung hạn và hằng năm phù hợp với đặc điểm của đội ngũ giảng viên trẻ; phân công, giao nhiệm vụ rõ ràng; quy định cụ thể tiến độ, sản phẩm đầu ra và tiêu chí đánh giá. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát theo hướng hỗ trợ, đồng hành thay vì chỉ kiểm soát hành chính.

*Thứ ba*, cần phát huy vai trò chủ thể, tính chủ động và sáng tạo của giảng viên trẻ. Quản lý không chỉ dừng ở giao nhiệm vụ mà phải tạo môi trường học thuật cởi mở, khuyến khích đề xuất ý tưởng mới, hình thành nhóm nghiên cứu và tăng cường sự hướng dẫn của các giảng viên giàu kinh nghiệm.

*Thứ tư*, trong bối cảnh chuyển đổi số, quản lý NCKH phải gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị dựa trên dữ liệu. Việc số hóa hồ sơ đề tài, xây dựng cơ sở dữ liệu công trình khoa học, theo dõi tiến độ trực tuyến và đánh giá sản phẩm trên nền tảng số là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và kịp thời trong điều hành.

*Cuối cùng*, quản lý hoạt động NCKH của giảng viên trẻ cần gắn với cơ chế động viên, khuyến khích phù hợp. Kết quả nghiên cứu phải trở thành tiêu chí quan trọng trong đánh giá thi đua, xét nâng lương, bổ nhiệm và quy hoạch cán bộ; đồng thời có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các công trình có giá trị thực tiễn và học thuật cao.

Những yêu cầu trên bảo đảm tính định hướng, tính hệ thống và tạo động lực phát triển bền vững cho đội ngũ giảng viên trẻ, góp phần nâng cao

chất lượng nghiên cứu khoa học và đào tạo của nhà trường trong tình hình mới.

**2.2.3. Một số giải pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ ở Trường Đại học Nguyễn Huệ trong bối cảnh chuyển đổi số**

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy và đội ngũ giảng viên trẻ về chuyển đổi số trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học.

Đây là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, quyết định chất lượng và hiệu quả của các giải pháp khác. Nhận thức đúng sẽ dẫn đến hành động đúng; nếu cấp ủy, chỉ huy và đội ngũ giảng viên trẻ chưa thấy rõ vai trò của chuyển đổi số thì quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) khó có thể đổi mới thực chất. Việc nâng cao nhận thức còn tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động, bảo đảm cho quá trình chuyển đổi số trong quản lý NCKH diễn ra đồng bộ, có định hướng và bền vững.

Về nội dung, cần quán triệt sâu sắc quan điểm Nghị quyết 1657-NQ/QUTW về lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới. Nghị quyết 1659-NQ/QUTW về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo. Đặc biệt, Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Đây là cơ sở chính trị quan trọng để đổi mới tư duy quản lý NCKH theo hướng hiện đại, chuyển từ quản lý hành chính thuần túy sang quản trị dựa trên dữ liệu và nền tảng số. Đồng thời, cần làm rõ vai trò của công nghệ số trong toàn bộ quy trình nghiên cứu: từ tìm kiếm tài liệu, xử lý và phân tích dữ liệu đến công bố, chia sẻ và lan tỏa kết quả khoa học.

Về biện pháp thực hiện, cấp ủy, chỉ huy các cấp ở Trường Đại học Nguyễn Huệ cần đưa nội dung chuyển đổi số trong NCKH vào nghị quyết lãnh đạo, kế hoạch công tác hằng năm; tổ chức các hội nghị, tọa đàm, lớp bồi dưỡng chuyên đề về kỹ năng số và phương pháp nghiên cứu hiện đại cho giảng viên trẻ. Kết hợp tuyên truyền với yêu cầu cụ thể trong đăng ký đề tài, nghiệm thu và đánh giá kết quả nghiên cứu gắn với mức độ ứng dụng công nghệ số. Thông qua đó, từng bước hình thành tư duy nghiên cứu hiện đại, tác phong làm việc khoa học và tinh thần chủ động đổi mới của đội ngũ giảng viên trẻ, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

*Thứ hai*, hoàn thiện cơ chế, quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng số hóa và minh bạch.

Giải pháp này đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) diễn ra minh bạch, khoa học và hiệu quả. Cơ chế và quy chế rõ ràng giúp phân định trách nhiệm, tạo động lực cho giảng viên trẻ chủ động nghiên cứu, đồng thời giảm thiểu tình trạng chông chéo, trì trệ hay nghiên cứu hình thức.

Việc hoàn thiện cơ chế, quy chế bao gồm hai hướng chính. Thứ nhất, rà soát và bổ sung các quy định nhằm tinh gọn thủ tục hành chính, phân định rõ trách nhiệm của các chủ nhiệm đề tài, cơ quan quản lý và cấp lãnh đạo, vừa tăng tính tự chủ, vừa bảo đảm kiểm soát chất lượng. Thứ hai, chuyển đổi các quy trình quản lý từ dạng giấy tờ truyền thống sang hệ thống số hóa. Cụ thể là xây dựng hệ thống quản lý đề tài trực tuyến, theo dõi từ khâu đăng ký, xét duyệt, triển khai đến nghiệm thu; áp dụng hồ sơ điện tử và chữ ký số nhằm giảm tải thủ tục, nâng cao tính minh bạch và khả năng giám sát.

Nhà trường cần tổ chức rà soát, cập nhật quy chế quản lý NCKH, đồng thời đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin để vận hành hệ thống quản lý trực tuyến. Các phòng, khoa chuyên môn được hướng dẫn triển khai các thủ tục đăng ký, nghiệm thu, báo cáo tiến độ thông qua nền tảng số. Bên cạnh đó, cần tổ chức tập huấn cho giảng viên và cán bộ quản lý về cách sử dụng hệ thống, đảm bảo tất cả các bước từ đăng ký đến nghiệm thu đều minh bạch, theo dõi được tiến độ và kết quả nghiên cứu. Khi cơ chế và quy trình được số hóa đầy đủ, giảng viên trẻ vừa chủ động triển khai nghiên cứu vừa đảm bảo hiệu quả, minh bạch và đồng bộ với yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục - đào tạo quân sự.

*Thứ ba*, phát triển hạ tầng và hệ sinh thái nghiên cứu số.

Hạ tầng công nghệ thông tin và hệ sinh thái nghiên cứu số là nền tảng quan trọng để giảng viên trẻ thực hiện NCKH hiệu quả, đồng thời là công cụ hỗ trợ quản lý dựa trên dữ liệu, nâng cao chất lượng và minh bạch trong nghiên cứu. Đây là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập giáo dục - đào tạo quân sự.

Theo Nghị quyết số 71-NQ/TW, để thực hiện đột phá phát triển giáo dục - đào tạo, các cơ sở giáo dục cần “đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hạ tầng dữ liệu và hệ sinh thái số phục vụ quản lý và nghiên cứu khoa học”. Trên cơ sở này, nhà trường cần tập trung đầu tư, nâng cấp thư viện điện tử, kết nối cơ sở dữ liệu khoa học trong và ngoài quân đội; xây dựng kho dữ liệu số về công trình nghiên cứu của giảng viên. Đồng thời, ứng dụng các phần mềm kiểm tra trùng lặp, quản lý trích dẫn, phân tích dữ liệu và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các công bố khoa học, từ đó tạo nền tảng cho quản trị NCKH dựa trên dữ liệu.

Nhà trường cần triển khai đồng bộ các hệ thống thư viện điện tử, kho dữ liệu số và nền tảng quản lý đề tài trực tuyến. Tăng cường đào tạo giảng viên và cán bộ quản lý sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu, kiểm tra trùng lặp, trích dẫn và phân tích thông tin học thuật. Việc kết nối dữ liệu trong và ngoài quân đội giúp nâng cao khả năng tham khảo, hợp tác nghiên cứu và đánh giá khách quan, đồng thời

hỗ trợ ra quyết định quản lý kịp thời và chính xác theo định hướng chuyển đổi số.

*Thứ tư*, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu và kỹ năng số cho giảng viên trẻ

Giải pháp này có ý nghĩa then chốt trong việc nâng cao chất lượng nghiên cứu và khả năng thích ứng với chuyển đổi số. Khi giảng viên trẻ được trang bị đầy đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng số và phương pháp nghiên cứu hiện đại, họ sẽ chủ động triển khai các đề tài khoa học, áp dụng hiệu quả công nghệ số, đồng thời tăng cường khả năng hợp tác và công bố kết quả nghiên cứu trên các diễn đàn trong nước và quốc tế.

Theo Nghị quyết số 71-NQ/TW, một trong các đột phá quan trọng của giáo dục - đào tạo là “nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ nhà giáo, kết hợp đào tạo với nghiên cứu và ứng dụng công nghệ số”. Trên cơ sở đó, nhà trường cần tập trung bồi dưỡng cho giảng viên trẻ về: phương pháp nghiên cứu hiện đại; kỹ năng viết bài báo khoa học và công bố quốc tế; sử dụng phần mềm thống kê, phân tích dữ liệu; khai thác cơ sở dữ liệu số; cũng như hình thành tư duy nghiên cứu dựa trên dữ liệu. Đồng thời, khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, có sự dẫn dắt của giảng viên giàu kinh nghiệm và tạo điều kiện để giảng viên trẻ tham gia hội thảo, diễn đàn khoa học trực tuyến trong và ngoài quân đội.

Nhà trường cần tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu, hội thảo, tọa đàm định kỳ và các chương trình trao đổi học thuật giữa giảng viên trẻ và giảng viên có kinh nghiệm. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ giảng viên trẻ tham gia hội thảo quốc tế trực tuyến, cung cấp tài nguyên học liệu số và phần mềm phân tích dữ liệu. Đồng thời, phát triển môi trường học thuật khuyến khích đổi mới sáng tạo, chia sẻ tri thức và hợp tác nghiên cứu liên khoa, liên đơn vị để nâng cao hiệu quả và chất lượng NCKH.

*Thứ năm*, đổi mới cơ chế đánh giá và chính sách khuyến khích

Giải pháp này là động lực then chốt để thúc đẩy giảng viên trẻ tích cực nghiên cứu, nâng cao chất lượng sản phẩm khoa học và gắn kết nghiên cứu với đào tạo, đồng thời đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong quản lý. Cơ chế đánh giá và khuyến khích phù hợp sẽ kích thích sáng tạo, chủ động trong nghiên cứu và nâng cao hiệu quả ứng dụng của kết quả NCKH.

Theo Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, để thực hiện đột phá phát triển giáo dục - đào tạo, cần “đổi mới công tác quản lý hoạt động khoa học ở các nhà trường. Tập trung kiện toàn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cơ quan quản lý và Hội đồng khoa học các cấp”. Nhà trường cần xây dựng cơ chế đánh giá và khuyến khích gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ số, tập trung vào chất lượng và hiệu quả thực tiễn của sản phẩm

khoa học”. Trên cơ sở này, việc đánh giá NCKH của giảng viên trẻ cần chuyển từ trọng số lượng sang chú trọng chất lượng, giá trị ứng dụng và tác động thực tiễn của công trình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu phải gắn với tiêu chí thi đua, xét nâng lương, bổ nhiệm, quy hoạch và đào tạo sau đại học. Đồng thời, nhà trường cần xây dựng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các công trình có giá trị học thuật cao, đặc biệt là các công bố trên tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Nhà trường cần rà soát, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá và chính sách khuyến khích NCKH, đưa vào quy chế, hướng dẫn cụ thể để giảng viên hiểu rõ cách thức đánh giá và quyền lợi tương ứng. Thường xuyên tổ chức hội thảo, tọa đàm phản hồi về tiêu chí đánh giá, đồng thời kết hợp cơ chế thưởng theo kết quả, như khen thưởng công trình xuất sắc, hỗ trợ công bố quốc tế và ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu. Cơ chế này vừa tạo động lực, vừa khuyến khích giảng viên trẻ chủ động nâng cao năng lực nghiên cứu, gắn kết NCKH với thực tiễn giáo dục - đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

*Thứ sáu*, xây dựng môi trường học thuật dân chủ, sáng tạo và hợp tác.

Môi trường học thuật tích cực là yếu tố nền tảng để thúc đẩy tinh thần sáng tạo, khơi dậy trách nhiệm nghề nghiệp và nâng cao chất lượng nghiên cứu của giảng viên trẻ. Khi giảng viên được trao quyền chủ động, trao đổi cởi mở và hợp tác đa chiều, họ sẽ mạnh dạn đề xuất ý tưởng mới, cải tiến phương pháp nghiên cứu và tăng cường hiệu quả ứng dụng thực tiễn của kết quả khoa học.

Xây dựng môi trường học thuật dân chủ và sáng tạo bao gồm: tổ chức tọa đàm, sinh hoạt khoa học, diễn đàn trao đổi chuyên môn định kỳ; khuyến khích chia sẻ dữ liệu nghiên cứu, hình thành nhóm nghiên cứu liên khoa, liên đơn vị; phát triển các kênh trao đổi học thuật trực tuyến, kết nối giảng viên trẻ với các nhà khoa học trong và ngoài quân đội. Ngoài ra, cần định hướng văn hóa học thuật coi trọng chất lượng, sáng tạo, hợp tác và chia sẻ tri thức, đồng thời khuyến khích việc ứng dụng công nghệ số trong nghiên cứu, quản lý dữ liệu và chia sẻ kết quả.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch tổ chức định kỳ các tọa đàm, hội thảo nội bộ và trực tuyến; thiết lập các diễn đàn chuyên môn và kho dữ liệu chia sẻ; khuyến khích hợp tác nghiên cứu liên khoa, liên đơn vị và liên kết với các tổ chức khoa học ngoài quân đội. Đồng thời, lồng ghép cơ chế động viên, đánh giá và khen thưởng những giảng viên tích cực tham gia sinh hoạt khoa học, chia sẻ dữ liệu và hợp tác nghiên cứu.

### 3. Kết luận

Hoạt động NCKH) của giảng viên trẻ tại Trường Sĩ quan Lục quân 2 đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng nhà trường chính quy, hiện đại và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục quân sự. Thực tiễn cho thấy, hiệu quả NCKH của giảng viên trẻ chịu tác động đồng thời bởi cơ chế quản lý, hạ tầng công nghệ, năng lực cá nhân, văn hóa học thuật và chính sách khuyến khích.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý NCKH, cần triển khai đồng bộ các giải pháp: nâng cao nhận thức và trách nhiệm về chuyển đổi số; hoàn thiện cơ chế, quy chế quản lý theo hướng số hóa, minh bạch; phát triển hạ tầng và hệ sinh thái nghiên cứu số; bồi dưỡng năng lực nghiên cứu và kỹ năng số; đổi mới cơ chế đánh giá, khuyến khích; xây dựng môi trường học thuật dân chủ, sáng tạo và hợp tác. Các giải pháp này, khi được triển khai đồng bộ, không chỉ tạo động lực, khơi dậy sáng tạo mà còn nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khả

năng ứng dụng thực tiễn của kết quả nghiên cứu khoa học ■

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [2]. Bộ Quốc phòng Việt Nam (2020). *Quy chế quản lý nghiên cứu khoa học trong các trường quân đội*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
- [3]. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023). *Khung năng lực công dân số Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Thông tin và Truyền thông.
- [4]. Quân ủy Trung ương (2022). *Nghị quyết Số 1657-NQ/QUTW về lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới*.
- [5]. Quân ủy Trung ương (2022). *Nghị quyết 1659-NQ/QUTW về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo*.

## Managing the scientific research activities of young lecturers at Nguyen Hue University in the context of digital transformation

Tran Xuan Sang

System 5, Political Academy, Ministry of National Defence

Tran Hoang Son

Nguyen Hue University

Email: hoangsontran1802@gmail.com.

**Abstract:** *In the context of digital transformation significantly impacting the field of military education and training, scientific research activities by young lecturers play a crucial role in improving training quality, developing scientific thinking, and fostering innovative capabilities. This article analyzes the role, influencing factors, and management requirements of scientific research activities for young lecturers at Nguyen Hue University. From there, we propose management solutions that are appropriate to the current digital transformation requirements, contributing to building a team of young lecturers with strong research capabilities, meeting the task of training officers in the new situation.*

**Keywords:** *Management, scientific research, young lecturers, digital transformation, military school.*